

Bản án số: **552/2020/HNGĐ-PT**

Ngày: 22-6-2020

Về việc tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Thẩm phán:

Bà Quách Thanh Bình.

Bà Nguyễn Lê Thiên Hương.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Phan Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 29 tháng 5 và 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 137/2019/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình số 911/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2146/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 4 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5308/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Trung D**, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 256/3 đường M1, Phường N1, Quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH T; địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà V, Số 01 Đường M2, phường N2, quận P2, thành phố Hà Nội; *người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Minh A; (Theo Hợp đồng ủy quyền số 30/2019/GĐ-UQ ngày 30 tháng 9 năm 2019); *người nhận ủy quyền lại:* Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1989 hoặc ông Nguyễn Phước Nhật Q, sinh năm 1997 hoặc bà Nguyễn Hoàng Hồng A, sinh năm 1997 (Theo Giấy ủy quyền số 01/2019/GUQ ngày 01 tháng 11 năm 2019). Điều vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Bùi Bá H, Luật sư Chi nhánh Công ty Luật TNHH T tại Thành phố Hồ Chí Minh – thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Phòng 804 Tầng 8, số 151 đường M3, Phường N3, Quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Phạm Vũ Ngọc H**, sinh năm 1980; nơi đăng ký thường trú: Số 256/3 đường M1, Phường N1, Quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Phòng 2, Tầng 3, Tháp GM1 Chung cư G, Số 119 Đường M4, Phường N4, quận P3, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1979, Luật sư Văn phòng luật sư L, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 81 đường M5, Phường N3, Quận P4, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Phạm Trung D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Phạm Trung D trình bày: Ông và bà Phạm Vũ Ngọc H tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận vào sổ đăng ký kết hôn số 510 quyền số 03 ngày 21 tháng 11 năm 2011, do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 10 năm 2011. Sau khi kết hôn hai người chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2017 vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách khác biệt; mặc dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn, đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà Phạm Vũ Ngọc H. Về con chung: Giữa ông và bà H có 02 con chung là Phạm Hoàng Hải P, giới tính: Nam, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2012 và Phạm Thu An S, giới tính: Nữ, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2015. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phạm Hoàng Hải P, giao trẻ Phạm Thu An S cho bà H nuôi dưỡng, không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng; hoặc ông yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Vũ Ngọc H thống nhất với nội dung trình bày của nguyên đơn ông Phạm Trung D về quan hệ hôn nhân và về con chung. Bà đồng ý ly hôn với ông D. Về con chung: Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Ngày 14 tháng 5 năm 2018, bà H có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn; quá trình hòa giải tại Tòa án, bị đơn rút lại

toàn bộ yêu cầu phản tố. Giữa bà và ông Phạm Trung D không có nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng.

[2] Tại Bản án hôn nhân và gia đình số 911/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2019, Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Trung D được ly hôn bà Phạm Vũ Ngọc H.

Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Hoàng Hải P, giới tính: Nam, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2012 và Phạm Thu An S, giới tính: Nữ, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2015 cho bà Phạm Vũ Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau khi ly hôn, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30 tháng 9 năm 2019, nguyên đơn ông Phạm Trung D có đơn kháng cáo đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm giải quyết về con chung. Ông D cho rằng Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về các tình tiết của vụ án khi quyết định giao cả 02 con chung cho bị đơn nuôi dưỡng. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho ông được nuôi dưỡng cả 02 con chung, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm về phần con chung theo hướng giao cả 02 con chung cho ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con do ông có đủ điều kiện vật chất, thời gian và tình cảm để có thể chăm sóc tốt cho các con. Nguyên đơn cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ông D có việc làm tạo thu nhập ổn định hàng tháng, có đủ khả năng đảm bảo chỗ ở, điều kiện sinh hoạt, học tập cho các con; công việc làm giờ hành chính cũng là điều kiện thuận lợi cho ông D trong việc chăm sóc con; ngoài ra, ông D còn nhận được sự cam kết hỗ trợ từ bố mẹ trong việc nuôi dưỡng con chung. Trong thời gian tiến hành thủ tục ly hôn, bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung nhưng không đảm bảo thời gian và quyền được thăm nom, chăm sóc các con của ông D. Hiện tại, bà H đã đưa các con ra nước ngoài mà không thông báo cho ông D, làm hạn chế quyền và nghĩa vụ của ông D đối với con chung; làm thay đổi cuộc sống và gián đoạn việc học tập của các con. Mặc dù bà H cung cấp cho Tòa án các hợp đồng lao động chứng minh thu nhập nhưng đều là hợp đồng bán thời gian, không thường xuyên, ổn định; hơn nữa, bà H hiện đang cư

trú ở nước ngoài, không có chứng cứ xác thực việc hiện tại bà H có công việc tạo thu nhập đảm bảo về tài chính để nuôi dưỡng các con. Do đó, bà H không đủ điều kiện để chăm lo tốt cho cả 02 con chung. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, giao cả 02 con chung cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến các tài liệu, chứng cứ mà phía bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cung cấp cho Tòa án tại giai đoạn phúc thẩm do không đảm bảo điều kiện được xem xét là nguồn chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Phạm Vũ Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm; tại các văn bản trình bày ý kiến đã nộp cho Tòa án và trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa thể hiện bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn với lý do ông D không thể chăm sóc tốt cho các con chung ngay từ khi ông D thực hiện quyền thăm nom, nuôi dưỡng con chung vào ngày cuối tuần mỗi 02 tuần/tháng trong quá trình giải quyết sơ thẩm vụ án; mặc dù bà không yêu cầu nhưng ông D không tự nguyện hoặc thể hiện thiện chí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung khi không trực tiếp nuôi dưỡng các con do ông D không có việc làm tạo nguồn thu nhập; bà H là người lo toàn bộ chi phí sinh hoạt trong gia đình và chăm sóc các con do bà có công việc, thu nhập hàng tháng ổn định. Thực tế, bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo tốt cho các con, bảo đảm điều kiện về việc học tập, vui chơi, giải trí của các con; cũng không cản trở việc ông D thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Nguyên đơn ông Phạm Trung D kháng cáo yêu cầu được giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung nhưng ngoài lời trình bày đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về điều kiện tài chính, kinh tế, thời gian, khả năng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng các con chung hoặc chứng minh bà H không đủ khả năng nuôi con. Con chung trên 07 tuổi thể hiện nguyện vọng muốn được ở với mẹ trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm giao cả 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là không làm xáo trộn cuộc sống ổn định của các con, phù hợp với hoàn cảnh hiện tại và nguyện vọng của con; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Trung D làm trong thời hạn luật định phù hợp với các quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn bà Phạm Vũ Ngọc H đã có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Xét, yêu cầu và ý kiến của bị đơn đã được thể hiện trong bản khai, sự vắng mặt của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Để đảm bảo việc giải quyết vụ án theo đúng thời hạn luật định và bảo đảm quyền lợi của đương sự khác, căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án, ngày 14 tháng 02 năm 2020, nguyên đơn ông Phạm Trung D có các đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập chứng cứ nhằm chứng minh bị đơn bà Phạm Vũ Ngọc H không đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung. Việc giao nộp tài liệu, chứng cứ là quyền và nghĩa vụ của đương sự, do đó, ngày 17 tháng 3 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ vào các điều 93, 96 và 287 của Bộ luật Tố tụng dân sự ra Thông báo số 2381/TB-TA yêu cầu nguyên đơn, bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ. Đến ngày mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án, ngoài các bản tự khai trình bày ý kiến, các đương sự không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định tại Điều 287 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

II. Về nội dung:

Xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và phần trình bày của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Trung D và bà Phạm Vũ Ngọc H tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận vào sổ đăng ký kết hôn số 510 quyển số 03 ngày 21 tháng 11 năm 2011, do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 10 năm 2011 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn và bị đơn đồng ý; Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giải quyết cho ly hôn.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần quyết định của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giữa ông Phạm Trung D và bà Phạm Vũ Ngọc H có 02 người con chung là Phạm Hoàng Hải P, giới tính: Nam, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2012 và Phạm Thu An S, giới tính: Nữ, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2015.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Xét về điều kiện, khả năng đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung của các bên: Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngoài các bản tự khai trình bày ý kiến, các đương sự không giao nộp, không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ hợp lệ theo yêu cầu của Tòa án cấp phúc thẩm để chứng minh điều kiện đảm bảo việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung; về khả năng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chung. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự. Theo đó, về thu nhập: Bị đơn bà Phạm Vũ Ngọc H cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh có công việc, thu nhập hàng tháng; về chỗ ở và các điều kiện khác: Cả nguyên đơn và bị đơn hiện có nơi cư trú không phải nhà riêng mà ở nhà của cha, mẹ và đều trình bày nhận được sự hỗ trợ từ cha, mẹ trong việc chăm sóc các con chung.

Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bản thân có công việc tạo thu nhập ổn định hàng tháng, không chứng minh được bị đơn đang nuôi dưỡng các con chung mà không đảm bảo các con được chăm sóc, giáo dục tốt. Hiện tại, các con chung đang sinh sống cùng nhau và đều do bà H trực tiếp nuôi dưỡng; Tòa án cấp sơ thẩm giao cả 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với hoàn cảnh hiện tại, đảm bảo cuộc sống ổn định của các con chung và nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi. Cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần con chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án ghi nhận tại bản án phương án phân chia thời gian thực hiện quyền thăm gặp, nuôi dưỡng con trường hợp yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nêu tại bản tự khai giao nộp cho Tòa án trước phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy: Các đương sự có quyền thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con. Trong vụ án này, do các đương sự không tự thỏa thuận được nên Tòa án quyết định giao con cho một bên, nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và các quyền, nghĩa vụ khác của cha, mẹ đối với con chung sau khi ly hôn

sẽ được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, các quy định khác của pháp luật có liên quan.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Phạm Vũ Ngọc H được giao quyền nuôi dưỡng cả 02 con chung tự nguyện không yêu cầu ông Phạm Trung D cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là có cơ sở.

[5] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

I. Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của nguyên đơn ông Phạm Trung D vì làm trong thời hạn luật định.

II. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình số 911/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Trung D:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Trung D được ly hôn bà Phạm Vũ Ngọc H. Giấy chứng nhận vào sổ đăng ký kết hôn số 510 quyển số 03 ngày 21 tháng 11 năm 2011, do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 10 năm 2011 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Giữa ông Phạm Trung D và bà Phạm Vũ Ngọc H có 02 con chung là Phạm Hoàng Hải P, giới tính: Nam, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2012 và Phạm Thu An S, giới tính: Nữ, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2015; giao cả 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng; ghi nhận bà H tự nguyện không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và các quyền, nghĩa vụ khác của cha, mẹ đối với con chung sau

khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

III. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Phạm Trung D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà ông D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0014713 ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã thi hành xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- TAND Quận 3, Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận 3, Tp. HCM;
- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn



THẨM PHÁN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM** **THẨM PHÁN –**
THẨM PHÁN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Bình

Nguyễn Lê Thiên Hương

Nguyễn Văn Tuấn

